

quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

Điều lệ Công ty phải được công bố trên website của Công ty.

Chương XI

QUAN HỆ GIỮA CÔNG TY VỚI CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC, CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT VÀ CÔNG TY CÓ VỐN GÓP DÀI HẠN KHÁC.

Điều 50. Quan hệ giữa Công ty với đơn vị hạch toán phụ thuộc

1. Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty thực hiện chế độ phân cấp thực hiện các hoạt động kinh doanh, hoạt động tài chính, được ký kết các hợp đồng kinh tế, tổ chức và nhân sự theo uỷ quyền của Công ty quy định trong quy chế của đơn vị hạch toán phụ thuộc do Tổng Giám đốc xây dựng và trình Hội đồng Quản trị phê duyệt. Công ty chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính phát sinh đối với các cam kết của các đơn vị hạch toán phụ thuộc.

2. Các đơn vị phụ thuộc Công ty không có vốn và tài sản riêng. Toàn bộ vốn và tài sản của đơn vị phụ thuộc thuộc sở hữu của Công ty. Việc điều chuyển vốn và tài sản cho các đơn vị phụ thuộc Công ty phải căn cứ vào phương án kinh doanh của các đơn vị phụ thuộc được Hội đồng Quản trị phê duyệt.

Điều 51. Quan hệ của Công ty đối với công ty con là Công ty TNHH một thành viên do Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ

1. Công ty TNHH một thành viên (sau đây gọi là công ty con) do Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp; điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty mẹ

2.1. Các quyền của Công ty mẹ:

a. Quyết định thành lập, mục tiêu, nhiệm vụ và ngành nghề kinh doanh; tổ chức lại, chuyển đổi, sáp nhập, giải thể, phá sản sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b. Phê duyệt Điều lệ, sửa đổi, bổ sung Điều lệ và Quy chế quản lý tài chính Công ty TNHH một thành viên do Công ty làm chủ sở hữu.

c. Quyết định vốn điều lệ khi thành lập và điều chỉnh vốn điều lệ trong quá trình hoạt động của Công ty.

d. Quyết định các dự án đầu tư theo Quy chế phân cấp Quản lý dự án đầu tư của Công ty mẹ.

đ. Quyết định việc áp dụng cơ cấu tổ chức quản lý Hội đồng thành viên hay Chủ tịch Công ty; số lượng, cơ cấu thành viên Hội đồng thành viên; bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, quyết định mức thù lao hoặc lương và các lợi ích khác đối với đối với Chủ tịch Công ty, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kiểm soát viên, Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV.

e. Phê duyệt quỹ tiền lương và thù lao kế hoạch, quỹ tiền lương và thù lao thực hiện, quỹ tiền thưởng của Chủ tịch Công ty, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kiểm soát viên, Kế toán trưởng.

g. Phê duyệt chiến lược phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch

đầu tư phát triển hàng năm, 5 năm.

h. Phê duyệt chủ trương đầu tư, vay, cho vay, mua, bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ của Công ty hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ của Công ty.

i. Phê duyệt báo cáo tài chính hàng năm, phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ.

k. Thực hiện việc sắp xếp đổi mới doanh nghiệp sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt Đề án tổng thể.

l. Quyết định thành lập công ty con, góp vốn vào công ty khác.

m. Tổ chức giám sát và đánh giá hoạt động kinh doanh của Công ty.

n. Các quyền khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

2.2. Nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty mẹ:

a. Công ty mẹ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty con trong phạm vi vốn điều lệ của công ty con.

b. Đầu tư vốn đầy đủ và đúng hạn như đã cam kết, trường hợp không góp đủ và đúng hạn số vốn đã cam kết thì phải chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản của công ty con.

c. Tuân thủ Điều lệ của công ty con.

d. Xác định và tách biệt tài sản của Công ty mẹ và tài sản của công ty con.

đ. Tuân thủ quy định của pháp luật về hợp đồng và pháp luật có liên quan trong việc mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê và các giao dịch khác giữa công ty con và Công ty mẹ.

3. Ngoài các báo cáo theo qui định, công ty con còn phải lập và báo cáo tổng hợp về mua, bán và các giao dịch khác với Công ty mẹ.

Điều 52. Quan hệ giữa Công ty và Công ty con mà Công ty nắm giữ trên 50% vốn điều lệ

1. Công ty cổ phần, Công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên, Công ty liên doanh, Công ty ở nước ngoài được thành lập, tổ chức và hoạt động theo pháp luật tương ứng với hình thức pháp lý của Công ty đó;


2. Công ty thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cổ đông hoặc thành viên, bên liên doanh, bên góp vốn tại doanh nghiệp bị chi phối theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty;

Công ty trực tiếp quản lý cổ phần, vốn góp ở doanh nghiệp bị chi phối thông qua người trực tiếp quản lý phần vốn của Công ty tại công ty cổ phần, công ty TNHH hai thành viên trở lên, Công ty liên doanh, công ty nước ngoài (sau đây gọi là người trực tiếp quản lý phần vốn góp);

3. Quyền của Công ty mẹ:

a. Cừ, bãi miễn, khen thưởng, kỷ luật Người đại diện phần vốn của Công ty mẹ tại các công ty con.

b. Giao nhiệm vụ cho Người đại diện phần vốn quyết định các nội dung sau của

doanh nghiệp:

- Mục tiêu, nhiệm vụ và ngành nghề kinh doanh, tổ chức lại, giải thể và yêu cầu phá sản doanh nghiệp.
- Điều lệ, sửa đổi và bổ sung điều lệ của doanh nghiệp.
- Việc tăng, giảm vốn điều lệ, thời điểm và phương thức huy động vốn, loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán, việc mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại.
- Việc đề cử đề bầu, kiến nghị miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Ban Kiểm soát. Đề cử đề bổ nhiệm, kiến nghị miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với Tổng giám đốc (Giám đốc) doanh nghiệp. Thù lao, tiền lương, tiền thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) doanh nghiệp; số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc) doanh nghiệp.
- Chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 5 năm của doanh nghiệp; danh mục các dự án đầu tư nhóm A, B hàng năm.
- Chủ trương góp vốn, nắm giữ, tăng, giảm vốn nhà Công ty đầu tư vào doanh nghiệp khác; thành lập, tổ chức lại, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện và các đơn vị hạch toán phụ thuộc khác; việc tiếp nhận doanh nghiệp tự nguyện tham gia làm công ty con, công ty liên kết.
- Chủ trương mua, bán tài sản và hợp đồng vay, cho vay có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ của doanh nghiệp; chủ trương vay nợ nước ngoài của doanh nghiệp.
- Báo cáo tài chính, phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ, mức cổ tức hàng năm.
- Chế độ tuyển dụng, chế độ thù lao, tiền lương, tiền thưởng của doanh nghiệp.
- Yêu cầu Người đại diện báo cáo để thực hiện giám sát, kiểm tra thường xuyên và thanh tra theo quy định việc chấp hành pháp luật, việc quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn nhà nước tại doanh nghiệp, việc thực hiện chiến lược, kế hoạch, đánh giá việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ được giao, kết quả hoạt động, hiệu quả sản xuất kinh doanh.

4. Nghĩa vụ của Công ty mẹ:

- a. Thu lợi tức và chịu rủi ro tương ứng với phần vốn góp tại các công ty con.
- b. Giám sát, kiểm tra việc sử dụng phần vốn góp tại các công ty con.
- c. Yêu cầu các công ty con cung cấp các báo cáo, báo cáo tài chính hợp nhất của tổ hợp công ty mẹ - công ty con, báo cáo tài chính của công ty mẹ, báo cáo tài chính của công ty con.
- d. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Ngoài các báo cáo theo qui định, các công ty con còn phải lập và trình báo cáo tổng hợp về mua, bán và các giao dịch khác với Công ty mẹ.

Điều 53. Quan hệ giữa Công ty với công ty liên doanh, liên kết

44
 

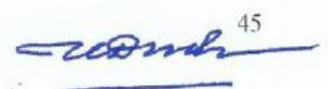
1. Công ty liên kết được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định pháp luật tương ứng với hình thức pháp lý của Công ty đó;
2. Công ty cử người đại diện để thực hiện các quyền hạn và nghĩa vụ của cổ đông, thành viên góp vốn, bên liên doanh theo điều lệ của Công ty liên kết hoặc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm theo hợp đồng liên kết;
3. Phối hợp với Công ty liên kết xây dựng các quy chế, quy định cụ thể chung để thoả mãn về tổ chức, hoạt động và các mối quan hệ khác trình Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt phù hợp với quy định của pháp luật.
4. Công ty quan hệ với công ty liên kết thông qua hợp đồng thỏa thuận về thương hiệu, thị trường, công nghệ, nghiên cứu, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực và các thỏa thuận khác
5. Trường hợp công ty nắm ít cổ phần hoặc vốn góp tại công ty liên kết thì có thể không cử Người đại diện phần vốn góp nhưng phải tổ chức theo dõi số vốn góp, lợi tức được chia và các lợi ích khác từ phần vốn góp tại công ty liên kết; phân công người thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty liên kết theo quy định của pháp luật, Điều lệ của các công ty liên kết theo hợp đồng, thỏa thuận liên kết.

Chương XII **PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

Điều 54. Chi trả cổ tức

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.
3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền mà Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.
6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.



 45

Điều 55. Lợi nhuận, phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ khác

1. Lợi nhuận của công ty

Lợi nhuận chung (thuần) của công ty = Tổng thu nhập – tổng chi phí

Lợi nhuận ròng = Lợi nhuận chung – Thuế thu nhập doanh nghiệp – các nghĩa vụ khác (nếu có) do nhà nước quy định

2. Phân phối lợi nhuận

Việc phân chia lợi nhuận cho các nguồn như Quỹ dự phòng tài chính, Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ khen thưởng phúc lợi, Quỹ xã hội... theo quy định của Đại hội cổ đông về việc trích lập các quỹ.

3. Hội đồng quản trị Công ty có trách nhiệm trình Đại hội đồng cổ đông:

- Phương án phân phối lợi nhuận trong năm tài chính và Kế hoạch lợi nhuận, phân phối lợi nhuận việc trích lập các quỹ năm tài chính tiếp theo

- Phương án, mục đích sử dụng các loại quỹ được trích theo quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Chương XIII

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 56. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Nếu được sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 57. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 1 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm đó.

Điều 58. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

Công ty sử dụng đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi trong trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

Chương XIV

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 59. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 55 Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính, bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính..

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo sáu tháng và quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết) và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp

4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu tháng và quý của Công ty phải được công bố trên website của Công ty.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 60. Báo cáo thường niên

Công ty lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Chương XV KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 61. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

Chương XVI CON DẤU

Điều 62. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.

Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương XVII CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 63. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

- Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
- Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
- Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 64. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 65. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Toà án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- Các chi phí thanh lý;





- b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
- c. Thuế và các khoản nộp cho Nhà nước;
- d. Các khoản vay (nếu có);
- đ. Các khoản nợ khác của Công ty;
- e. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (đ) trên đây được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

Chương XVIII **GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ**

Điều 66. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định giữa:

- a. Cổ đông với Công ty;
- b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành hay cán bộ quản lý cao cấp,

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Toà án kinh tế.

3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Toà án được thực hiện theo phán quyết của Toà án.


Chương IX **BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ**

Điều 67: Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.



 49

Chương XX
NGÀY HIỆU LỰC

Điều 68. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 20 chương 68 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Khảo sát và xây dựng – USCO nhất trí thông qua ngày 31 tháng 12 năm 2014 tại Hà Nội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:
 - a. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương
 - b. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố;
 - c. Bốn (04) bản lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
(Ký tên)



Nguyễn Trọng Thoáng

Nguyễn Văn Tồn



Nguyễn Lâm Cường

Trần Ngọc Sang

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Vũ Văn Định

MUC LUC

STT	Chương	Nội dung	Trang số
1	Phần mở đầu		2
2	Chương I	Những quy định chung	2
3	Chương II	Mục tiêu, phạm vi kinh doanh hoạt động của Công ty	5
4	Chương III	Vốn điều lệ, cổ phần, cổ phiếu	7
5	Chương IV	Cơ cấu tổ chức, quản lý và kiểm soát	13
6	Chương V	Cổ đông và Đại hội Cổ đông	14
7	Chương VI	Hội đồng Quản trị	25
8	Chương VII	Ban Kiểm soát	33
9	Chương VIII	Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác và thư ký Công ty	37
10	Chương IX	Nhiệm vụ của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác	39
11	Chương X	Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ đối với Công ty	41
12	Chương XI	Quan hệ giữa Công ty đối với đơn vị trực thuộc, các Công ty con, các Công ty liên kết và Công ty có vốn góp dài hạn khác	41
13	Chương XII	Phân phối lợi nhuận	45
14	Chương XIII	Tài khoản ngân hàng, năm tài chính và chế độ kế toán	46
15	Chương XIV	Báo cáo thường niên, trách nhiệm công bố thông tin, thông báo ra công chúng	46
16	Chương XV	Kiểm toán Công ty	47
17	Chương XVI	Con dấu	47
18	Chương XVII	Chấm dứt hoạt động và thanh lý	48
19	Chương XVIII	Giải quyết tranh chấp nội bộ	49
20	Chương XIX	Bổ sung và sửa đổi điều lệ	49
21	Chương XX	Ngày hiệu lực	50



51
